

Số: 154/GPMT-UBND

Tiền Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 766/BQLDA&PTQĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Châu Thành và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3968/TTr-SNN&MT ngày 25 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Châu Thành (làm đại diện chủ đầu tư dự án), địa chỉ: khu phố Cá, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Trường Tiểu học Bình Đức tại ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

- a) Tên dự án đầu tư: Trường Tiểu học Bình Đức.
- b) Địa điểm hoạt động: ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- c) Quyết định phê duyệt dự án: Quyết định 1610/QĐ-UBND ngày 25

tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Tiền Giang về phê duyệt dự án Trường Tiểu học Bình Đức.

d) Mã số thuế: 1201607808

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở giáo dục.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi, quy mô: Dự án đầu tư thuộc Nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, tổng mức đầu tư 99.199.999.995 đồng.

- Công suất: Quy mô đào tạo khoảng 840 học sinh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

d) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Châu Thành có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy

định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký giấy phép môi trường.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *men*

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Châu Thành;
- BQLDA&PTQĐ huyện Châu Thành
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP,
- Các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên. *Y*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *men*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **154** /GPMT-UBND
ngày **26** tháng **6** năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn 01: nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh.
- Nguồn 02: nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà ăn.
- Nguồn 03: nước thải từ công tác vệ sinh thùng rác.
- Nguồn 04: nước thải từ hoạt động tắm, giặt giũ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

a) Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh 412.

b) Vị trí xả nước thải: ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tọa độ vị trí xả thải là: X: 1143563; Y: 559719 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

c) Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: nước thải sau khi được xử lý tự chảy qua hệ thống ống dẫn thoát ra Kênh 412.

- Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ, tự động. liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ, tự động liên tục theo quy định tại Điều
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36	
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ, tự động. liên tục
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	1,2	97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	36	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6	
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	7,2	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt (nước thải từ WC) → Bể tự hoại → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung (1).

- Nước thải từ khu vực nhà ăn → Bể tách mỡ → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung (2).

- Nước thải từ khu vực nhà chứa rác → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung (3).

- Nước thải từ hoạt động tắm, giặt → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung (4).

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải (1), (2), (3), (4) → Hồ thu gom → Bể điều lưu → Bể Anoxic → Bể Aerotank + MBR → Bể trung gian → Bể khử trùng → Kênh 412.

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành: 05/9/2025.

- Thời gian kết thúc vận hành: 30/11/2025.

b) Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải, công suất 50 m³/ngày/đêm.

- Vị trí lấy mẫu: đầu ra hệ thống xử lý nước thải thuộc ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Toạ độ vị trí xả thải là: X: 1143563; Y: 559719 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,2)
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	7,2

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,2)
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000

c) Tần suất lấy mẫu: thực hiện lấy mẫu trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

- Chủ đầu tư dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 154/GPMT-UBND
ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý mùi hôi (khí gây mùi) của hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

a) Vị trí xả khí thải

- Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải từ hệ thống xử lý mùi hôi (khí gây mùi) của hệ thống xử lý nước thải; tọa độ vị trí xả thải: X = 1143589; Y = 559817 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

- Vị trí xả khí thải: tại khu vực hệ bố trí hệ thống xử lý khí thải thuộc ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

b) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 800 m³/giờ.

c) Phương thức xả khí thải: xả khí thải liên tục (24 giờ/ngày).

d) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp = 1, Kv = 1) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

T T	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B, Kp = 1, Kv = 1	QCVN 20: 2009/BTNMT	
1	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50	-	Không thuộc đối tượng
2	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	-	
3	Metyl mercaptan	mg/Nm ³	-	15	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

a) Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý mùi hôi (khí gây mùi) của hệ thống xử lý nước thải → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý → Nguồn tiếp nhận.

b) Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý mùi hôi (khí gây mùi) của hệ thống xử lý nước thải → Hệ thống thu gom → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 800 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng sử dụng: Nước, NaOH.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành: 05/9/2025.

- Thời gian kết thúc vận hành: 30/11/2025.

b) Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý mùi hôi (khí gây mùi) của hệ thống xử lý nước thải, công suất 800m³/giờ.

- Vị trí lấy mẫu: ống thải sau hệ thống xử lý mùi hôi (khí gây mùi) của hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ vị trí lấy mẫu: X = 1143589; Y = 559817 (theo hệ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	
			QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B, K _p = 1, K _v = 1	QCVN 20: 2009/BTNMT
1	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50	-
2	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	-
3	Metyl mercaptan	mg/Nm ³	-	15

c) Tần suất lấy mẫu: thực hiện lấy mẫu trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Chủ đầu tư dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **154** /GPMT-UBND
ngày **26** tháng **6** năm 20225 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	6
2	Pin - ắc quy thải	Rắn	16 01 12	6
3	Chất thải y tế	Rắn	13 01 01	10
Tổng khối lượng				22

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: bùn thải từ quá trình xử lý nước thải khoảng 5.621 kg/năm, bùn thải từ bể tự hoại khoảng 53,6m³/năm.

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: khoảng 161,695 tấn/năm.

d) Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nhiên liệu sản xuất mực)	Rắn	08 02 04	6
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	6
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	10

4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	10
Tổng khối lượng				32

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt (CTSH), chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTR TT), chất thải nguy hại

a) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

- Thiết bị lưu chứa: bố trí chứa để lưu giữ chất thải nguy hại theo từng mã riêng biệt.

- Kho lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích kho lưu chứa: 5 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: tường bao quanh, nền bê tông cốt thép, lợp mái tôn và 01 cửa ra vào, có bình chữa cháy xách tay, có gờ bao, rãnh thu gom chất thải lỏng chảy tràn.

- Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo quy định tại khoản 2, 3 Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bùn thải từ các hầm tự hoại được lưu chứa tại các hầm tự hoại và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu chứa tại bể phân hủy bùn và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý theo đúng quy định.

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa:

+ Bố trí các cụm thùng chứa 3 ngăn tại các dãy phòng học.

+ Khu vực bếp ăn: bố trí các thùng chứa rác màu xanh loại 200 lít có nắp đậy;

+ Đối với các loại chất thải có thể tái chế, tái sử dụng, bán phế liệu (vỏ lon, vỏ chai nhựa,...) sẽ được thu gom vào thùng chứa riêng có thể tích 200 lít, định kỳ sẽ có đơn vị thu mua phế liệu đến thu gom.

- Khu vực lưu chứa: rác thải sinh hoạt được lưu giữ tại khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: tường bao quanh, nền bê tông cốt thép, lợp mái tôn và 01 cửa ra vào, có bình chữa cháy xách tay, có gờ bao.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Đảm an toàn và thực hiện đúng các quy định phòng cháy chữa cháy và các quy định có liên quan.

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và chống ăn mòn, trang bị các máy móc dự phòng như máy bơm, máy thổi khí... nhằm đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động liên tục. Nhân viên vận hành xử lý nước thải được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống. Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp hệ thống xử lý gặp sự cố và ngưng hoạt động: Nước thải được lưu lại tại hệ thống thu gom, các bể của hệ thống xử lý nước thải (thời gian lưu nước 01 ngày), khẩn trương xác định rõ nguyên nhân, tiến hành sửa chữa từng đơn nguyên một để tiếp tục vận hành hệ thống. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại bể điều hòa, chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **154** /GPMT-UBND
ngày **26** tháng **6** năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật khác có liên quan./.

